令和
6
46019

ビル街地区	高度商業地区	繁華街地区	普通商業・併用住宅地区	中小工場地区	大工場地区	普通住宅地区
道路を中心として全地域	全地域	南側道路沿い	全地域	北側道路沿い 南側全地域	南側全地域	無印は全地域
北側全地域	道路沿い	南側全地域	北側全地域 南側道路沿い	北側道路沿い	北側全地域	

記号	借地権割合
A	90%
B	80%
C	70%
D	60%

記号	借地権割合
E	50%
F	40%
G	30%

北
西 東
南

46015
46018 当図 46020
46027

荒川区
（荒川署）

令和
6
46019

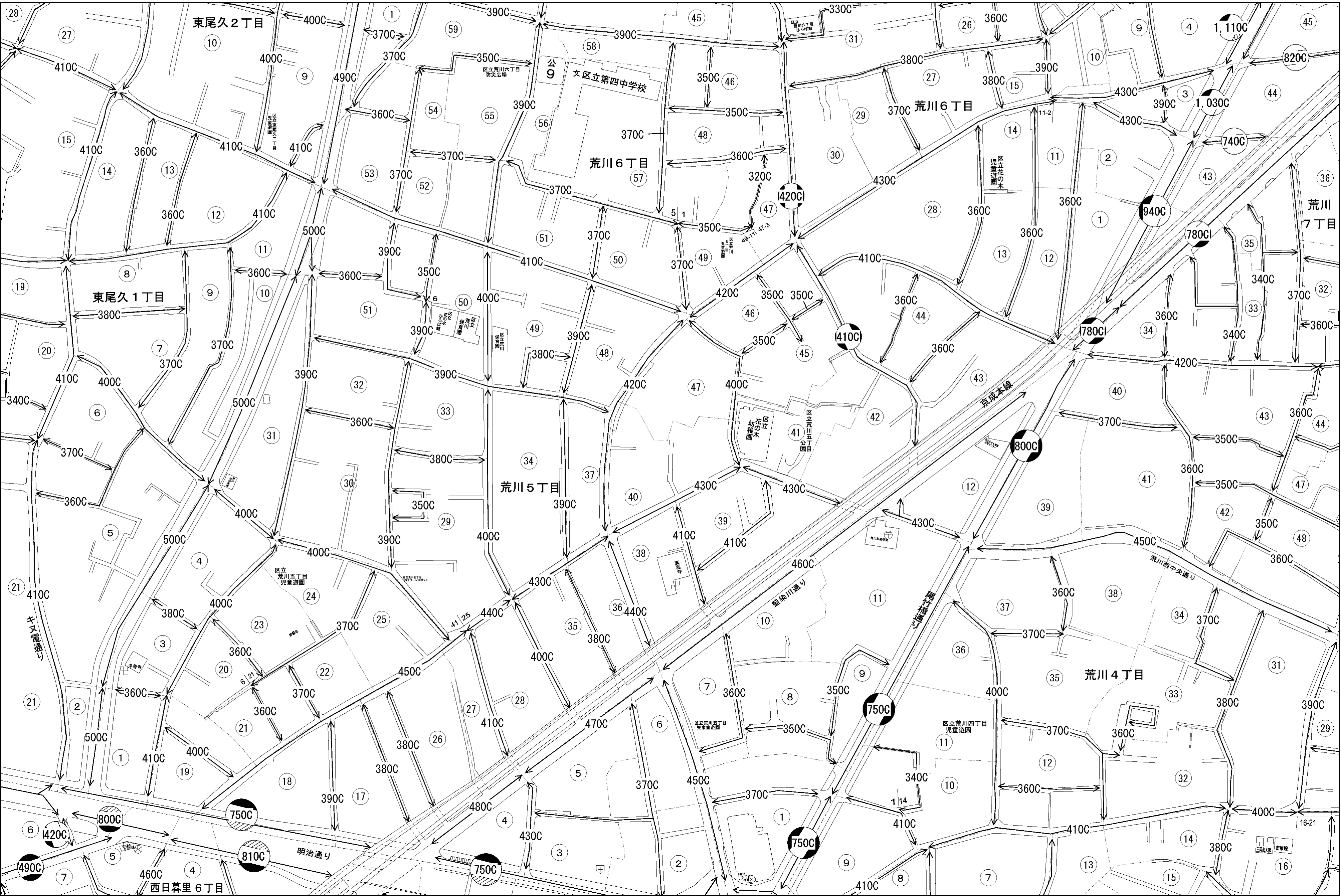

東尾久２丁目
東尾久１丁目
荒川６丁目
荒川６丁目
荒川５丁目
荒川４丁目
荒川７丁目
西日暮里６丁目
京成本線
藍染川通り
尾竹橋通り
荒川西中央通り
明治通り
キヌ電通り
区立荒川六丁目防災広場
公 9
文 区立第四中学校
区立花の木保育園
区立花の木幼稚園
区立荒川五丁目公園
区立荒川五丁目児童遊園
区立荒川四丁目児童遊園
区立花の木児童遊園
400C
390C
330C
390C
370C
410C
400C
490C
370C
350C
390C
350C
350C
380C
360C
380C
390C
430C
430C
820C
1,110C
1,030C
390C
410C
360C
410C
410C
370C
370C
360C
370C
370C
320C
360C
740C
420C
430C
940C
780C
500C
360C
360C
350C
390C
410C
370C
350C
370C
380C
410C
360C
360C
360C
360C
420C
350C
350C
350C
400C
410C
390C
360C
370C
340C
340C
360C
380C
400C
370C
390C
390C
390C
420C
360C
340C
780C
420C
400C
500C
370C
360C
380C
360C
800C
370C
350C
350C
350C
360C
360C
500C
400C
430C
430C
430C
410C
410C
390C
400C
390C
350C
400C
450C
460C
360C
410C
380C
440C
430C
440C
370C
360C
400C
380C
370C
360C
380C
450C
390C
470C
360C
360C
400C
360C
750C
350C
400C
350C
410C
370C
380C
410C
360C
500C
400C
380C
370C
380C
390C
480C
430C
370C
450C
340C
360C
410C
4000
750C
800C
420C
490C
810C
750C
460C
410C
410C
380C